

Số: 21a/QĐ-THTQT

Phường Ngô Quyền, ngày 18 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt danh sách học sinh hưởng chế độ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I năm học 2025 - 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TH TRẦN QUỐC TOẢN

Căn cứ Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc ban hành điều lệ trường THCS, THPT và trường Phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Nghị Quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 02/09/2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hải Phòng về chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc học mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn Thành phố Hải Phòng;

Theo đề nghị của ông (bà) Tổ trưởng Tổ văn phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I năm học 2025 - 2026 theo Nghị định số 81/2021/NĐ - CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Mức chi trả và số tháng chi trả đối với học sinh có tên tại điều 1 được thực hiện theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Điều 3: Các ông (bà) phòng kế toán và học sinh có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- KBNN TP để kiểm soát chi;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Hoa

UBND PHƯỜNG NGÔ QUYỀN
TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN QUỐC TOẢN

DANH SÁCH HS NHẬN HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NGHỊ ĐỊNH 81/2021/NĐ-CP
(HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025 - 2026)

Đơn vị: nghìn đồng

STT	HỌ VÀ TÊN HS	Nhóm/ Lớp	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ 1 tháng	Đối tượng thuộc diện				Số tiền
					Trẻ em MG, học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ	Trẻ em MG, học sinh khuyết tật	Trẻ em MG, học sinh có cha mẹ thuộc diện hộ	Đối tượng thuộc khoản 4, điều 18, ND 81	
1	Đặng Phúc An	1A5	3	150		1			450
2	Nguyễn Đức Bảo	2B5	4	150		1			600
3	Đặng Chí Đạt	3C4	4	150		1			600
4	Trần Hương Mai	3C5	4	150		1			600
5	Nguyễn Anh Quang	3C6	4	150		1			600
6	Phạm Gia Bảo	4D1	4	150		1			600
7	Phạm Nhật Minh	5H2	4	150		1			600
8	Lê Huy Minh	5H3	4	150		1			600
9	Lê Anh Hiếu	5H4	4	150		1			600
10	Phạm Đăng Thư	5H4	2	150		1			300
11	Trần Gia Bảo	5H5	4	150		1			600
	Cộng:					11	0	0	6150

Bằng chữ: Năm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng./.

P. Ngô Quyền, ngày 07 tháng 11 năm 2025

KÊ TOÁN

Phạm Thị Hương

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Hoa

UBND QUẬN NGŨ QUYỀN
TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN QUỐC TOÀN

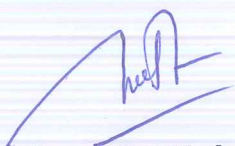
DANH SÁCH HS NHẬN HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NGHỊ ĐỊNH 81/2021/NĐ-CP
(HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025 - 2026)

Đơn vị: nghìn đồng

STT	HỌ VÀ TÊN HS	Nhóm/ Lớp	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ 1 tháng	Đối tượng thuộc diện				Số tiền	Ký nhận
					Trẻ em MG, học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ	Trẻ em MG, học sinh khuyết tật	Trẻ em MG, học sinh có cha mẹ thuộc diện hộ	Đối tượng thuộc khoản 4, điều 18, ND 81		
1	Đặng Phúc An	1A5	3	150.000		1			450.000	
2	Nguyễn Đức Bảo	2B5	4	150.000		1			600.000	
3	Đặng Chí Đạt	3C4	4	150.000		1			600.000	
4	Trần Hương Mai	3C5	4	150.000		1			600.000	
5	Nguyễn Anh Quang	3C6	4	150.000		1			600.000	
6	Phạm Gia Bảo	4D1	4	150.000		1			600.000	
7	Phạm Nhật Minh	5H2	4	150.000		1			600.000	
8	Lê Huy Minh	5H3	4	150.000		1			600.000	
9	Lê Anh Hiếu	5H4	4	150.000		1			600.000	
10	Phạm Đăng Thư	5H4	2	150.000		1			300.000	
11	Trần Gia Bảo	5H5	4	150.000		1			600.000	
	Cộng:					11	0	0	6.150.000	

Bằng chữ: Sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng./.

KÊ TOÁN


Phạm Thị Hường

Phường Ngũ Quyền, ngày 3 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG


Lê Thị Hoa

TỔNG HỢP DỰ TOÁN
PHỤ CẤP ƯU ĐÃI GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY LỚP CÓ NGƯỜI KHUYẾT TẬT NĂM 2025
(Theo khoản 1 Điều 7 Nghị định 28/2012/NĐ-CP)

(HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026)

Đơn vị: đồng

TT	Khối lớp	Tổng số trẻ Khuyết tật học hòa nhập	Tổng số giờ học/tháng	Số Giáo viên dạy lớp có người khuyết tật học hòa nhập	Dự toán tiền phụ cấp giảng dạy/tháng	Số tháng	Dự toán tiền phụ cấp giảng dạy 5 tháng đầu năm 2025	Ghi Chú
I	TRƯỜNG TH TRẦN QUỐC TOẢN							
1	Khối lớp 1	1	67	5		4	2.794.276	
2	Khối lớp 2	1	67	5		4	4.885.816	
3	Khối lớp 3	3	224	8		4	16.000.433	
4	Khối lớp 4	1	80	7		4	7.443.127	
5	Khối lớp 5	5	400	14		4	29.300.257	
	Cộng	11	837	39	0	20	60.423.909	

Phường Ngô Quyền, ngày 18 tháng 11 năm 2025

KẾ TOÁN



Phạm Thị Hương

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Hoa

Mã hiệu:.....

Số:.....

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo giấy rút dự toán/Ủy nhiệm chi số 147,25,NS.25.NS ngày 31 tháng 12 năm 2025)

Tài khoản dự toán ☐ Tài khoản tiền gửi ☐

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: Trường Tiểu học Trần Quốc Toản

2. Mã đơn vị: 1065113

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng : TK: 19029473786019 Tại: Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Hồng Phong - HP

I. Nội dung đề nghị thanh toán: Tiền lương phụ cấp ưu đãi cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật HKI NH 2025 - 2026

STT	HỌ VÀ TÊN	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG		TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ					
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ			60.423.909	60.423.909	0				
I	Đối với công chức, viên chức			60.423.909	60.423.909				0	
1	Nguyễn Thị Mến	19029479019011	TMCP Kỹ thương VN - Chi nhánh Lê Hồng Phong - Hải Phòng	2.058.358	2.058.358					
2	Nguyễn Bá Đông	19029479032016	TMCP Kỹ thương VN - Chi nhánh Lê Hồng Phong - Hải Phòng	1.905.887	1.905.887					
3	Hoàng Thị Hải Yến	19029479028019	TMCP Kỹ thương VN - Chi nhánh Lê Hồng Phong - Hải Phòng	3.388.030	3.388.030					
4	Vũ Thị Ngọc Châu	19029479051010	TMCP Kỹ thương VN - Chi nhánh Lê Hồng Phong - Hải Phòng	461.489	461.489					
5	Đặng Thị Phương Thùy	19020828508018	TMCP Kỹ thương VN - Chi nhánh Lê Hồng Phong - Hải Phòng	1.378.694	1.378.694					
6	Đỗ Thị Phương Hào	19029478999010	TMCP Kỹ thương VN - Chi nhánh Lê Hồng Phong - Hải Phòng	172.748	172.748					



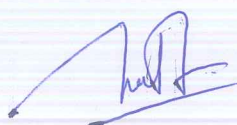
7	Hà Thị Vui	19032954893014	TMCP Kỹ thương VN - Chi nhánh Lê Hồng Phong - Hải Phòng	2.498.018	2.498.018					
8	Bùi Chiến Thắng	19029479060011	TMCP Kỹ thương VN - Chi nhánh Lê Hồng Phong - Hải Phòng	137.493	137.493					
9	Trần Thị Kim Chi	19021105277014	TMCP Kỹ thương VN - Chi nhánh Lê Hồng Phong - Hải Phòng	3.661.450	3.661.450					
10	Hoàng Thị Tâm	19034951546014	TMCP Kỹ thương VN - Chi nhánh Lê Hồng Phong - Hải Phòng	1.529.091	1.529.091					
11	Đoàn Thị Hải Bình	19029479045010	TMCP Kỹ thương VN - Chi nhánh Lê Hồng Phong - Hải Phòng	4.393.741	4.393.741					
12	Trần Ngọc Anh	19029679150013	TMCP Kỹ thương VN - Chi nhánh Lê Hồng Phong - Hải Phòng	729.704	729.704					
13	Đinh Thu Hà	19038730540017	TMCP Kỹ thương VN - Chi nhánh Lê Hồng Phong - Hải Phòng	1.179.287	1.179.287					
14	Hoàng Kim Tuyến	19032732217029	TMCP Kỹ thương VN - Chi nhánh Lê Hồng Phong - Hải Phòng	1.019.394	1.019.394					
15	Phạm Thị Hường	19029679153012	TMCP Kỹ thương VN - Chi nhánh Lê Hồng Phong - Hải Phòng	454.487	454.487					
16	Vũ Thị Hương	19027304603026	TMCP Kỹ thương VN - Chi nhánh Lê Hồng Phong - Hải Phòng	3.812.870	3.812.870					
17	Bùi Thị Bích Nga	19029479052017	TMCP Kỹ thương VN - Chi nhánh Lê Hồng Phong - Hải Phòng	3.374.609	3.374.609					
18	Nguyễn Thị Thúy	19029479034019	TMCP Kỹ thương VN - Chi nhánh Lê Hồng Phong - Hải Phòng	5.813.969	5.813.969					
19	Đỗ Thị Hải Giàng	19034863441016	TMCP Kỹ thương VN - Chi nhánh Lê Hồng Phong - Hải Phòng	2.076.700	2.076.700					

20	Nguyễn Ngọc Hoàn	19029679151011	TMCP Kỹ thương VN - Chi nhánh Lê Hồng Phong - Hải Phòng	5.884.441	5.884.441					
21	Vũ Thị Nết	19034740983019	TMCP Kỹ thương VN - Chi nhánh Lê Hồng Phong - Hải Phòng	4.211.512	4.211.512					
22	Vũ Thị Kim Ngân	19037246526011	TMCP Kỹ thương VN - Chi nhánh Lê Hồng Phong - Hải Phòng	6.676.203	6.676.203					
23	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	13628112002	TMCP Kỹ thương VN - Chi nhánh Lê Hồng Phong - Hải Phòng	367.933	367.933					
24	Nguyễn Công Doanh	38668686868686	TMCP Kỹ thương VN - Chi nhánh Lê Hồng Phong - Hải Phòng	2.501.208	2.501.208					
25	Cao Trí Minh	6330555555	TMCP Kỹ thương VN - Chi nhánh Lê Hồng Phong - Hải Phòng	736.593	736.593					
II	Đối với lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo NĐ số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022									
III	Đối với hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập theo NĐ số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022					0				

Số tiền bằng chữ: Sáu mươi triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn chín trăm linh chín đồng./.

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

NGƯỜI LẬP



Phạm Thị Hường

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phạm Thị Hường

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Hoa